

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2022/HSST**

Ngày: 27-5- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tâm – Cán bộ hưu

2/ Ông Phạm Thành Công- Phó Bí thư Huyện đoàn Gò Công Đông.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: **Ông Phan Minh Tân và ông Võ Minh Tuấn**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TL-HSST ngày 28/01/2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Phan Văn A** (Tên gọi khác A Sói). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 07/12. Con ông Phan Văn X, sinh năm xxxx và bà Lê Thị L, sinh năm xxxx. Vợ: Ngô Diễm M (Không đăng ký kết hôn). Con: Có 01 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giam ngày 09/7/2021, có mặt.

2/ Họ và tên: **Đặng Tuấn A1** (Tên gọi khác M). Giới tính: Nam. Sinh năm xxxx. Nơi sinh: Tỉnh Vĩnh Long. ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 03/12. Con ông Đặng Ngọc L2, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Thị L3, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: 01 lần. Vào ngày 03/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tam

Bình, tỉnh Vĩnh Long tuyên phạt Đặng Tuấn A1 10 năm tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong ngày 14/02/2020, chưa được xóa án tích. Bị tạm giam ngày 27/10/2021, có mặt.

3/ Họ và tên: **Hồ Thanh T** (Tên gọi khác: Tạ C). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Hồ Văn L4, sinh năm xxxx và bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1976. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 09/7/2021, có mặt.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Linh C** (Tên gọi khác: C Lì). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Thị V, sinh năm xxxx. Vợ: Võ Thị H, sinh năm xxxx. Con: Nguyễn Ngọc Anh Th2, sinh năm xxxx.

Đặc điểm nhân thân: Vào ngày 29/7/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Giết người”, chấp hành xong ngày 12/4/2017, đã được xóa án tích. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 28/10/2021, có mặt.

5/ Họ và tên: **Lê Minh T1** (Tên gọi khác: T1 Nhỏ). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông: Chưa rõ và bà Lê Thị X2, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 20/5/2021, có mặt.

6/ Họ và tên: **Nguyễn Cao Thảo N** (Tên gọi khác: N Đi). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm xxxx (Chết) và bà Cao Thị Ngọc T, sinh năm xxxx. Vợ: Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm xxxx. Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm xxxx, nhỏ nhất sinh năm xxxx. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 08/7/2021, có mặt.

7/ Họ và tên: **Trương Kim T2**. Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố L, thị trấn

V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông: Không rõ và bà Trương Thị M, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 20/5/2021, có mặt.

8/ Họ và tên: **Phạm Văn C1** (Tên gọi khác: C1 Anh). Giới tính: Nam. Sinh năm 1996. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và Chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Phạm Văn T, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 29/10/2021, có mặt.

9/ Họ và tên: **Lê Ngọc Bảo L** (Tên gọi khác: B). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Tỉnh Đồng Nai. ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Lê Bảo S và bà Nguyễn Thị M, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 20/10/2021, có mặt.

10/ Họ và tên: **Nguyễn Linh Cảnh E**. Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Thị V, sinh năm xxxx. Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm xxxx. Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 29/10/2021, có mặt.

11/ Họ và tên: **Phạm Văn T3** (Tên gọi khác: Chánh E). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Phạm Văn T, sinh năm xxxx và bà Nguyễn Thị N, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 29/10/2021, có mặt.

12/ Họ và tên: **Phạm Tường C2**. Giới tính: Nam. Sinh năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Phạm Văn V, sinh năm xxxx và bà Ngô Thị Kim Th4, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 20/5/2021, có mặt.

13/ Họ và tên: **Trần Văn H**. Tên gọi khác: H Hạ. Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKHKTT: Khu phố

C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Chỗ ở: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Trần Văn N, sinh năm xxxx và bà Phan Thị Th5, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giam ngày 08/7/2021, có mặt.

14/ Họ và tên: **Trần Văn T4** (Tên gọi khác: Ba T4). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Văn Th6, sinh năm xxxx và bà Ngô Thị Th7, sinh năm xxxx. Vợ: Trần Thị Ngọc Th8, sinh năm xxxx. Con: Có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

15/ Họ và tên: **Ngô Minh N1**. Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Ngô Minh T4, sinh năm xxxx và bà Trần Thị Hoàng O, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

16/ Họ và tên: **Đinh Kim T5** (Tên gọi khác: T5 Nhóc). Giới tính: Nam. Sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Nơi sinh: Huyện G, tỉnh Tiền Giang. ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Đinh Kim Th9, sinh năm xxxx và bà Phạm Thị Ngọc Th10, sinh năm xxxx. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Ngọc Th, sinh năm xxxx (Mẹ của bị cáo Kim T5). Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện , tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Phạm Thị Kim Trang- Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim Trang, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Bị hại: Nguyễn Minh T6 (Nhí), sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Văn S, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố C, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

2/ Huỳnh Nhật H1, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

3/ Võ Minh N2, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

4/ Lê Minh T6, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố B, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

5/ Võ Hoàng K, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố C, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật: Bà Dương Thị Diễm L6, sinh năm xxxx (Bà nội của Võ Hoàng K). Nơi cư trú: Khu phố C, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

6/ Nguyễn Trúc T7, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố C, Thị trấn , huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

7/ Nguyễn Tiến T8, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố A, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

8/ Phạm Vũ T9, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố A, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

9/ Đoàn Thị Đ, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố A, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

10/ Hà Văn N3, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

11/ Đoàn Minh T10, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

12/ Trần Quốc K1, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị U, sinh năm xxxx (Bà ngoại của Trần Quốc K1). Nơi cư trú: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

13/ Trương Tấn P, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

14/ Nguyễn Huỳnh Thanh T11, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

15/ Bùi Thanh Q, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố L, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

16/ Võ Thị H, sinh năm xxxx. Nơi cư trú: Khu phố C, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14/5/2021, bị cáo Phan Văn A cùng với Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Dương Tấn P, Nguyễn Huỳnh Thanh T11, Trần Quốc K1, Huỳnh Nhật H1, Võ Minh N2 ngồi uống bia và ngồi chơi tại bãi đất trống thuộc khu phố 1, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, thì có Phạm Vũ T9 (Bảo) đến nói "Tụi bây nhậu coi chừng tụi Hẻm 5 lên đánh". Bị cáo Đinh Kim T5 và bị cáo Đặng Tuấn A1 chuẩn bị hung khí gồm: Chĩa ba ngạnh, dao tự chế (mã tấu, kiếm nhật) mang lại để ở bãi đất trống cạnh nhóm bị cáo A ngồi nhậu. Lúc sau anh Phạm Văn S sử dụng xe máy chở anh Nguyễn Minh T6 (Nhí) đến bãi đất trống để tìm bị cáo A (Do bị cáo A và anh T6 có mâu thuẫn từ trước). Bị cáo A bước ra gặp anh T6 nói chuyện và dùng tay đánh vào người anh T6. Anh T6 lấy trong người ra một cây kéo cầm trên tay, bị cáo T cầm chĩa ba ngạnh phóng về phía anh T6 nhưng không trúng. Anh T6 lượm cây chĩa ba ngạnh mà bị cáo T phóng rớt dưới đất quơ lại phía nhóm người của bị cáo A. Nhóm bị cáo A cầm hung khí từ bãi đất trống ủa ra đuổi theo anh T6 gồm: Bị cáo A cầm chĩa ba ngạnh, bị cáo T cầm chĩa ba ngạnh, bị cáo N cầm dao tự chế, bị cáo H cầm chĩa ba ngạnh, bị cáo N1 cầm dao tự chế, bị cáo T2 cầm dao tự chế, bị cáo Kim T5 cầm vỏ chai bia, bị cáo T1 cầm dao tự chế, bị cáo K1 cầm chĩa ba ngạnh, bị cáo C2 cầm vỏ chai bia đuổi theo T6. Cùng lúc này bên quán nước đối diện bãi đất trống có bị cáo C cầm dao tự chế, bị cáo Tuấn A1 cầm dao tự chế, bị cáo Cảnh E cầm dao tự chế, bị cáo C1 cầm nỏ tự chế, bị cáo T3 cầm dao tự chế, bị cáo L cầm dao tự chế, bị cáo T4 cầm dao tự chế và Nguyễn Thanh P ủa ra đuổi theo anh T6. Anh T6 cầm chĩa ba ngạnh chạy được một đoạn thì té ngã ngồi xuống đường thì bị cáo A cầm cán bằng sắt của chĩa ba ngạnh đánh 06-07 cái vào người T6, bị cáo Cảnh E cầm dao tự chế chém 01 cái vào người T6, bị cáo C chém anh T6 02-03 cái nhưng trúng 01 cái và dùng chân đạp vào người T6, bị cáo T3 dùng chân đạp 01 cái và dùng tay đánh vào người anh T6, bị cáo N cầm dao tự chế chém 01 cái vào người T6, bị cáo Tuấn A cầm dao tự chế chém 03- 04 cái vào người T6, bị cáo T1 cầm dao tự chế chém 03- 04 cái vào người T6, bị cáo T cầm chĩa ba ngạnh đâm vào người anh T6 01 cái, bị cáo C2 cầm vỏ chai bia chọi vào người T6. Bị cáo H cầm chĩa ba ngạnh, bị cáo C1 cầm nỏ tự chế, bị cáo L cầm dao tự chế, bị cáo N1 cầm 02 dao tự chế, bị cáo T4 cầm dao tự chế, bị cáo T2 cầm dao tự chế, bị cáo Kim T5 cầm 02 vỏ chai bia cùng với nhóm bị cáo A rượt đuổi theo anh T6 để đánh nhằm bênh vực cho bị cáo A và bị cáo T. Khi anh Phạm Văn S cầm cây kéo chạy đến giải vây cho anh T6, đến khi anh T6 đứng dậy thì bị cáo C1 cầm nỏ tự chế bắn vào

người anh T6, bị cáo L cầm dao tự chế chém vào người T6, bị cáo T5 cầm vỏ chai bia chọi vào người T6. Sau đó tất cả bị cáo bỏ về bãi đất trống, vứt bỏ hung khí vào lùm cây rồi lẩn tránh. Anh T6 được mọi người đưa đi cấp cứu. Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện Gò Công Đông tiến hành thu giữ, niêm phong đoạn Camera an ninh ghi nhận lại vụ việc và tang vật là hung khí mà các bị cáo sử dụng gây thương tích tại khu vực bãi đất trống. Ngày 17/5/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang có bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 225/2021/TgT về việc giám định thương tích đối với anh Nguyễn Minh T6 là 13%.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-GCĐ ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân H1ện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Phan Văn A, Hồ T7 T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

* Viện kiểm sát đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phan Văn A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/7/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Đặng Tuấn A1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hồ Thanh T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/7/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Linh C từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Minh T1 từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Cao Thảo N từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/7/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Trương Kim T2 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Văn C1 từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Trần Văn H từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/7/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Văn T3 từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Ngọc Bảo L từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Tường C2 từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/5/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Linh Cảnh E từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/10/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Đinh Kim T5 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo T5 cho Ủy ban nhân dân xã Tân T4, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Trần Văn T4 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo T4 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Ngô Minh N1 từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo N1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho anh Huỳnh Nhật H1 01 xe mô tô hai bánh biển số 54K4-1619, N1n hiệu Yamaha, loại surius màu đỏ đen, không có vè xe ở hai bên. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Trương Kim T2 01 xe mô tô hai bánh biển số 63B7-39613, N1n hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh. Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) USB dữ liệu, trong đó lưu trữ 01 (một) đoạn video clip của Camera an ninh tại khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ghi lại hiện trường nơi xảy ra vụ án được niêm phong trong một bì thư có hình dấu tròn

Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang có chữ ký của Lê Minh Thiện (Bìa thư ghi ngày 05/7/2021). Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng còn lại.

Về trách nhiệm dân sự : Buộc tất cả bị cáo liên đới bồi thường cho anh T6 số tiền 25.000.000 đồng, thực hiện 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ý kiến của Luật sư: Thống nhất tội danh và mức án đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Kim T5. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Kim T5 như: Bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cùng các bị cáo khác đã liên đới bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại có một phần lỗi. Luật sư đề nghị cho bị cáo T5 hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng thống nhất nội dung quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, bị cáo A khai do có mâu thuẫn với anh T6 trước đó và trong lúc nói chuyện anh T6 có dùng kéo định đâm bị cáo A, nên bị cáo A có dùng tay đánh anh T6 và dùng hung khí gây thương tích cho anh T6. Các bị cáo còn lại thống nhất khai vì muốn bênh vực cho bị cáo A và bị cáo T nên có cùng tham gia sử dụng hung khí gây thương tích cho anh T6 như cáo trạng nêu là đúng. Tất cả bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin lỗi anh T6 vì đã gây thương tích cho anh T6, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Công Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 tại phiên tòa phù hợp hiện trường vụ án, đoạn video clip mà Camera an ninh ghi lại được, Kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì mâu thuẫn cá nhân không lớn giữa bị cáo A và bị hại T6 mà bị cáo A và các bị cáo đã cùng sử dụng dao tự chế, ống tuýt sắt, chĩa,.....là hung khí nguy hiểm có tính sát thương cao để thực hiện hành vi với tính chất côn đồ, gây tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Minh T6 tổng cộng 13%.

Tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11 % đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

...”

Tại thời điểm thực hiện hành vi, bị cáo Đinh Kim T5 16 tuổi 01 tháng 25 ngày phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý, nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, với tình tiết dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe con người, cụ thể trong vụ án này sức khỏe của anh T6 bị xâm hại, còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm, tuy không bàn bạc, chuẩn bị trước, nhưng khi phát sinh mâu thuẫn giữa bị cáo A và bị hại T6 là cả nhóm cùng thực hiện hành vi. Tuy nhiên, vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo A, vì mâu thuẫn nhỏ trước đó với anh T6 và trong lúc nhậu nghe thông tin sẽ có T6 (Nhí) đến tìm để đánh, nên khi gặp anh T6, bị cáo A chủ động dùng tay đánh anh T6. Bị cáo An có sức ảnh hưởng lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia, đồng thời bị cáo A trực tiếp sử dụng ống tuýt sắt đánh anh T6 05 - 06 cái, nên bị cáo A với vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Tuấn A1 không có mâu thuẫn với anh T6, nhưng khi nghe thông tin sẽ có T6 (Nhí) đến tìm để đánh thì ngay lập tức bị cáo Tuấn A1 cùng bị cáo Kim T5 mang hung khí đến để nhóm của bị cáo A sử dụng gây thương tích cho anh T6, đồng thời bị cáo Tuấn A1 còn sử dụng bề dẹp của dao tự chế đánh anh T6 02 cái, đá vào người anh T6 01 cái gây thương tích, nên bị cáo Tuấn A1 với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực.

Các bị cáo còn lại không mâu thuẫn cá nhân với anh T6, chỉ vì muốn bênh vực bị cáo An và bị cáo T nên các bị cáo T, C, T1, N, T2, C1, H, T3, L, C2, Cảnh E, T4, N1, T5 đã tiếp nhận ý chí của bị cáo A cùng sử dụng hung khí thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho anh T6 với tính chất hung hãn, xem thường pháp luật, mang tính côn đồ, cụ thể như : Bị cáo T dùng chia 03 chia đánh vào bên hông phải anh T6 01 cái gây thương tích. Bị cáo C dùng dao tự chế chém về hướng anh T6 03 cái trúng vào người anh T6 01 cái. Bị cáo T1 dùng dao tự chế có gắn ống tuýt sắt chém anh T6 04 cái gây thương tích. Bị cáo N dùng dao tự chế chém vào người bị hại T6 01 cái. bị cáo Lê Ngọc Bảo L dùng kiếm tự chế chém anh T6 01

cái. Bị cáo Cảnh E dùng dao tự chế chém anh T6 01 cái. Bị cáo T3 dùng tay đánh anh T6 02 cái. Bị cáo T2 dùng dao tự chế định chém anh T6 nhưng chưa chém được. Bị cáo H dùng chia tự chế định đánh anh T6 nhưng chưa đánh được. Bị cáo C1 cầm một cây nỏ bằng nhôm bắn đạn bi để bắn anh T6 nhưng chưa trúng được. Bị cáo C2 dùng 02 vỏ chai bia ném về phía anh T6 nhưng không trúng. Bị cáo T4 cầm dao tự chế rượt đuổi chém anh T6 nhưng chưa chém được. Bị cáo N1 cầm dao tự chế để chém anh T6 nhưng chưa chém được. Bị cáo Kim T5 có đi lấy ống tuýt sắt, dao tự chế và dùng 02 vỏ chai bia ném anh T6 nhưng không trúng. Nên các bị cáo T, T1, C, N, T2, H, C1, T3, L, C2, Cảnh E, T4, N1, Kim T5 là đồng phạm với vai trò người giúp sức. Việc các bị cáo chưa chém, bắn, ném trúng vào người anh T6 là do khách quan ngoài ý chí của bị cáo, nhưng ý thức chủ quan của các bị cáo khi tham gia là cùng mục đích cố ý gây thương tích cho anh T6, nên các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự trong vụ đồng phạm theo quy định Điều 17 Bộ luật hình sự, tương xứng vai trò, tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo.

Hội đồng xét xử nhận thấy : Các bị cáo An, T, N, T1, T2, H, C1, T3, L, C2, Cảnh E, T5, T4, N1 chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo C có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích, bị cáo T5 tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên, Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt. Giai đoạn điều tra tất cả bị cáo liên đới bồi thường khắc phục phần lớn thiệt hại cho anh T6. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa anh T6 thừa nhận có phần lỗi trong việc bị gây thương tích, anh T6 xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả bị cáo. Nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Bị cáo Tuấn A1 có 01 tiền án về tội “Cướp tài sản” đã chấp hành xong, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử có xem xét vận dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cần thiết cách ly các bị cáo thêm một thời gian để tiếp tục cải tạo bị cáo, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Bị cáo Đinh Kim T5 khi thực hiện hành vi chưa đủ 18 tuổi, được áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Bị cáo T4, bị cáo N1, bị cáo Kim T5 là người giúp sức có vai trò không đáng kể, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, không cần thiết cách ly, cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo.

[4] Về vật chứng: Đối với ống tuýt sắt, dao tự chế, kiếm, chia, nỏ ... là công cụ, phương tiện, hung khí gây án và các dụng cụ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với xe mô tô hai bánh biển số 54K4-1619, N1n hiệu Yamaha, loại surius là tài sản hợp pháp của chủ sở hữu, nên trao trả lại cho anh Huỳnh Nhật H1. Đối với xe mô tô hai bánh biển số 63B7-39613, N1n hiệu Yamaha, loại Exciter 150

màu xanh, không liên quan đến tội phạm nên trao trả lại bị cáo Trương Kim T2. Đối với 01 USB dữ liệu lưu trữ đoạn video clip của Camera an ninh tại khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, ghi lại hiện trường xảy ra vụ án là nguồn chứng cứ của vụ án nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[5] Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi gây thương tích, thiệt hại đến sức khỏe của anh T6, nên tất cả bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh T6. Quá trình điều tra các bị cáo đã liên đới bồi thường số tiền 155.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T6 yêu cầu tất cả bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 25.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Tất cả bị cáo thống nhất bồi thường theo yêu cầu của anh T6, xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với anh Phạm Văn S do vết thương nhẹ, anh S không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định thương tích. Đối với Trần Quốc K1 có cầm theo cây chĩa ba ngạnh cùng với nhóm bị cáo A rượt đuổi theo anh T6 để giúp sức về tinh thần cho nhóm bị cáo A đánh nhau, K1 không gây thương tích cho anh T6. Tại thời điểm thực hiện hành vi K1 mới 13 tuổi 9 tháng 25 ngày, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 12 Bộ luật hình sự. Do vậy, hành vi của Trần Quốc K1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đối với Trương Tấn P, Nguyễn Huỳnh Thanh Tuấn, Huỳnh Nhật H1, Võ Minh Nam, Nguyễn Thanh P, Bùi Thanh Q, Lê Minh T6 có ngồi chơi và nhậu cùng với nhóm bị cáo A. Tuy nhiên, anh Tấn P, anh Tuấn, anh H1, anh Nam, anh T7 P, anh Q và anh T6 không biết rõ mâu thuẫn giữa bị cáo A và anh T6, cũng không sử dụng hung khí hay hành vi giúp sức gì khác để nhằm mục đích gây thương tích cho anh T6. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gò Công Đông không khởi tố, xử lý anh Tấn P, anh Tuấn, anh H1, anh Nam, anh Thanh P, anh Q và anh T6 về hành vi “cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí, tất cả bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của Luật sư có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt:

1/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phan Văn A 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/7/2021.

2/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Đặng Tuấn A1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/10/2021.

3/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hồ Thanh T 02 (Hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 09/7/2021.

4/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Linh C 02 (Hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/10/2021.

5/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Minh T1 02 (Hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/5/2021.

6/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Cao Thảo N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/7/2021.

7/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Trương Kim T2 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/5/2021.

8/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Văn C1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 29/10/2021.

9/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Ngọc Bảo L 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/10/2021.

10/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Linh Cảnh

E 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 29/10/2021.

11/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Văn T3 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 29/10/2021.

12/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Tường C2 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 20/5/2021.

13/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Trần Văn H 01 (Một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/7/2021.

14/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Trần Văn T4 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng. Giao bị cáo Trần Văn T4 cho UBND thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

15/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Ngô Minh N1 01 (Một) năm 02 (Hai)

tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng. Giao bị cáo Ngô Minh N1 cho UBND thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

16/ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phạt bị cáo Đinh Kim T5 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm. Giao bị cáo Đinh Kim T5 cho UBND xã Tân T4, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Vật chứng : Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại anh Huỳnh Nhật H1 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 54K4-1619, N1n hiệu Yamaha, loại surius màu đỏ đen, không có vè xe ở hai bên. Trả lại bị cáo Trương Kim T2 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B7-39613, N1n hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm:

- 01 (một) vỏ bao bằng gỗ màu đỏ có chiều dài 46,7 cm, mũi nhọn, bề rộng lớn nhất 5,5 cm, phần đầu vỏ bao tiếp giáp với cán có quần bằng keo màu đen.

- 01 (một) con dao tự chế dài 58,8 cm, phần cán dao bằng kim loại dài 22 cm bản dẹt có kích thước (0,3x1,6) cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 36,8 cm, mũi hơi nhọn, bề rộng nhất 04 cm.

- 01 (một) đôi dép xốp đế màu đen, quai ngang sọc xanh - đen, trên đế có ghi chữ "PH SPORTS", kích thước mỗi chiếc dép (26,5x11x07) cm.

- 01 (một) cây kiếm dài 73 cm, phần cán gỗ dài 23 cm có quấn nylon màu đen, bản dẹt có kích thước (3,5x02) cm; phần lưỡi dao bằng kim loại dài 50 cm, mũi nhọn, bản rộng 03 cm; phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi kiếm có một miếng kim loại hình tròn, đường kính 6,5 cm.

- 01 (một) két nhựa màu vàng, kích thước (40 x 33 x 25) cm, trên thân két có ghi chữ "SAGOTA LAGER" màu xanh, bên trong két có 14 (mười bốn) chai thủy tinh màu nâu, không có nắp, trên thân mỗi chai có dán N1n và ghi chữ "SAGOTA LAGER" màu xanh.

- 01 (một) dao tự chế dài 160 cm, phần cán bằng kim loại dài 120 cm, bản tròn có đường kính 2,5 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40 cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 07 cm và nhỏ nhất 04 cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 69 cm, phần cán bằng kim loại dài 17 cm, bản tròn có đường kính 3,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 52 cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 3,7 cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 51 cm, phần cán bằng kim loại dài 16,5 cm, bản tròn có đường kính 3,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 34,5 cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 06cm và nhỏ nhất 3,5 cm, cán có quấn băng keo màu đen.

- 01 (một) con dao tự chế dài 61,5cm, phần cán bằng gỗ dài 26cm, bản tròn có đường kính 3,7cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi dao có một đoạn kim loại bề rộng 04cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31,5cm, mũi bằng, bản rộng lớn nhất 8,2cm và nhỏ nhất 3,5cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 81cm, phần cán bằng gỗ dài 37cm, bản chữ nhật kích thước (04x2,5) cm, đầu cán dao có quấn băng keo màu đen, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi dao có một miếng kim loại hình tròn, đường kính 09cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 44cm, mũi nhọn, bản rộng 5,5cm

- 01 (một) con dao tự chế dài 87,7cm, phần cán bằng kim loại dài 30cm, bản tròn có đường kính 3,3cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 57,7cm, mũi nhọn, bản rộng 6,5cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 75,5cm, phần cán bằng kim loại dài 20,2cm, bản tròn có đường kính 2,5cm, cán dao có quấn băng keo màu đen, phần lưỡi bằng kim loại dài 55,3cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 3cm.

- 01 (một) thanh kim loại dài 150cm, bản tròn đường kính 02cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 70,5 cm, phần cán bằng kim loại, bản tròn có đường kính 3,3cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 41,5cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 06cm và nhỏ nhất 02cm.

- 01 (một) kiếm có chiều dài 73cm, phần cán bằng gỗ dài 23,2cm, bản dẹt có kích thước (3,5x02) cm, xung quanh cán có quấn nylon màu đen, phần lưỡi kiếm bằng kim loại dài 49,8cm, mũi nhọn, bản rộng nhất 03cm và nhỏ nhất 02cm.

- 01 (một) kiếm có chiều dài 100cm, phần cán bằng gỗ dài 27,5cm, bản dẹt có kích thước (03x1,5) cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi kiếm có một miếng kim loại hình tròn đường kính 7,5cm, phần lưỡi kiếm bằng kim loại dài 72,5cm, lưỡi bị công, mũi nhọn, bản rộng nhất 03cm và nhỏ nhất 2,1cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 103,2 cm, phần cán bằng kim loại dài 70,5cm, bản tròn có đường kính 3,2cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 32,7cm, mũi cong hình "chữ L", bản rộng lớn nhất 05 cm và nhỏ nhất 04cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 161 cm, phần cán bằng kim loại dài 120, bản tròn có đường kính 2,6cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 41cm, mũi bằng, bản rộng lớn nhất 7,2cm và nhỏ nhất 04cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 162,5 cm, phần cán bằng kim loại dài 125,5cm, bản tròn có đường kính 2,8cm, xung quanh cán có quấn băng keo đen, phần lưỡi bằng kim loại dài 41cm, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 05cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 201cm, phần cán bằng kim loại dài 160cm, bản tròn có đường kính 02cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 41cm, lưỡi cong, mũi nhọn, bản rộng lớn nhất 4,6cm và nhỏ nhất 3,5cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 161 cm, phần cán bằng kim loại dài 120cm, bản tròn có đường kính 2,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 41cm, mũi bằng, bản rộng lớn nhất 7,3cm và nhỏ nhất 3,7cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 145,5 cm, phần cán bằng kim loại dài 120cm, bản tròn có đường kính 2,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 25,5cm, mũi bằng, bản rộng lớn nhất 07cm và nhỏ nhất 05cm.

- 01 (một) con dao tự chế dài 193cm, phần cán bằng kim loại dài 160,5cm, bản tròn có đường kính 02cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 32,5cm, mũi cong, bản rộng lớn nhất 4,7cm và nhỏ nhất 03cm.

- 01 (một) chĩa tự chế dài 150cm, bản tròn đường kính 02cm, một đầu của cán có gắn ba mũi nhọn bằng kim loại tròn, đường kính mỗi mũi nhọn là 0,5cm, mũi nhọn ở giữa dài 26cm, hai mũi nhọn hai bên thấp hơn mũi ở giữa 05cm và có độ rộng lớn nhất là 21cm.

- 01 (một) chĩa tự chế dài 151,3cm, bản tròn đường kính 02cm, một đầu của cán có gắn ba mũi nhọn bằng kim loại tròn, đường kính mỗi mũi nhọn là 01cm, mũi nhọn ở giữa dài 43cm, hai mũi nhọn hai bên thấp hơn mũi ở giữa 10cm và có độ rộng lớn nhất là 22cm và nhỏ nhất là 12cm.

- 01 (một) chĩa tự chế dài 150cm, bản tròn đường kính 2,5cm, một đầu của cán có gắn ba mũi nhọn bằng kim loại tròn, đường kính mỗi mũi nhọn là 01cm, mũi nhọn ở giữa dài 41cm, hai mũi nhọn hai bên thấp hơn mũi ở giữa 10cm và có độ rộng lớn nhất là 22cm.

- 01 (một) chĩa tự chế dài 151cm, bản tròn đường kính 2,5cm, một đầu của cán có gắn ba mũi nhọn bằng kim loại tròn, đường kính mỗi mũi nhọn là 01cm, mũi nhọn ở giữa dài 42,5cm, hai mũi nhọn hai bên thấp hơn mũi ở giữa 09cm và có độ rộng lớn nhất là 22cm.

- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu đen, có viền sọc caro vàng đen ở hai tay áo và cổ áo hiệu Say Happy.

- 01 (một) quần sọc Jean màu đen, N1n hiệu TCS Classic Wear.

- 01 (một) nón kết lưỡi màu vàng sọc trắng đen hiệu BURBERRY, mặt kim loại hình chữ nhật có khắc hình người cưỡi ngựa.

- 01 (một) đôi dép nhựa màu đen quai ngang.

- 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, sọc caro xanh đỏ, N1n hiệu VA-MEN.
- 01 (một) quần sọc màu đen Jean, nhãn hiệu Blue Exchange.
- 01 (một) đôi dép sọc màu xanh quai chéo, nhãn hiệu Bitis.
- 01 (một) áo thun tay ngắn màu trắng, nhãn hiệu Suboy Mens, trên thân áo có ghi chữ EST 1980.
- 01 (một) quần short jean màu đen TCS Classic Wear.
- 01 (một) đôi dép short quai chéo hiệu Nike.
- 01 (một) nón kết lưới, màu đen có khắc chữ NY.
- 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc caro, nhãn hiệu BURBERRY.
- 01 (một) một quần Jean màu đen, mặt trước có chữ Dior và Youth, nhãn hiệu Free Lancer.
- 01 (một) đôi dép màu đen quai ngang ghi hiệu POLITE-ART.
- 01 (một) áo sơ mi tay ngắn, sọc đen, hiệu Baiban.
- 01 (một) quần shot jean màu xanh hiệu Free Lancer.
- 01 (một) áo sơ mi ngắn tay, sọc vàng nâu-đỏ-đen, nhãn hiệu Burberry.
- 01 (một) quần jean màu xanh trên ống quần có chữ DS. Quared 2.
- 01 (một) đôi dép sọc màu đen, quai chéo, ghi chữ G màu trắng trên quai.
- 01 (một) cái áo ngắn tay, sọc xanh-đen-vàng nhãn hiệu VA-Men.
- 01 (một) quần jean sọc màu đen, nhãn hiệu HN-PEAK.
- 01 (một) đôi dép sọc quai chéo, nhãn hiệu Bitis màu xám đỏ.
- 01 (một) áo khoác dài tay màu đen có nón trên áo có hoa văn hình GG.
- 01 (một) quần sọc Jean hiệu Kenzo màu đen.
- 01 (một) đôi dép nhựa đen, quai ngang, trên quai có hình đầu sư màu đen.
- 01 (một) nón kết màu hồng, nhãn hiệu Adidas.
- 01 (một) nón kết màu đen xám, phía trước có in hai đầu con hổ màu vàng trắng, phía sau có thiêu chữ XXV màu đỏ.

- 01 (một) áo khoác màu đen tay dài, có nón, mặc lưng ngoài có hoa văn màu đỏ.
- 01 (một) quần T4 dài màu đen.
- 01 (một) đôi dép sộp màu đen vai ngang trên vai có 4 sọc màu trắng và có ghi chữ FLLA.
- 01 (một) áo dài tay màu xanh có nhãn hiệu Boydesign.
- 01 (một) quần jean dài màu xanh, có kiểu rách lỗ, nhãn hiệu C.T.
- 01 (một) đôi dép cao su màu đen quai ngang màu đen, trên quai có một nút màu vàng khắc chữ B.
- 01 (một) nón kết màu đen, bên trái có dây kéo.
- 01 (một) áo thun màu đen tay ngắn, phía quai trước và sau có in hình nhiều màu, phần cổ áo có ghi nhãn hiệu liti Samedit.
- 01 (một) quần jean ngắn màu đen trắng, 01 ống quần phía trước có kiểu lỗ rách, phần lưng phía sau bên phải có hiệu chữ "Fuzo jeans dephotment" màu trắng đỏ.
- 01 (một) đôi dép sộp màu trắng, hai quai màu trắng.
- 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, trên vai áo hai bên áo có ghi dòng chữ BUPBERRY.
- 01 (một) quần Jean ngắn màu xám đen, mặt trước ống quần bên trái có dòng chữ SOUNUDN.
- 01 (một) cây kéo bằng kim loại, có tay cầm bằng ống nhựa màu đen có in dòng chữ "KÉO NHÍP XE ĐẶC BIỆT MINH NGÀ" màu vàng và 01 dòng chữ "KÉO THÉP 100% CƠ SỞ SÔNG DANH" màu hồng.
- 01 (một) cây kéo bằng kim loại.
- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 54K4-1619, nhãn hiệu Yamaha, loại surius màu đỏ đen, không có vè xe ở hai bên.
- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B7-39613, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu xanh.
- 01 (một) vỏ cai bia có dán nhãn hiệu SAGOTA bị gãy cổ chai.

- 01 (một) áo sơ mi dài tay màu kem có hoa văn màu đỏ, nhãn hiệu Men Fashion.

- 01 (một) nón lưỡi trai có thiêu chữ YANKEES, phần lưỡi trai có màu đỏ, phần đỉnh nón phía trước có màu đỏ kẻ sọc đen, hình răng cưa, có lô gô, phần phía sau dạng lưới màu trắng.

- 01 (một) nón lưỡi trai, hiệu Gucci, phần lưỡi trai và phần trên của nón có màu xám vàng, có hoa văn và hình con cọp, phần phía sau dạng lưới, màu đen.

- 01 (một) áo khoác đen dài tay, có nón, trên áo có in hoa văn màu xám.

- 01 (một) quần shot Jean màu xanh trắng, kiểu rách 4 lỗ, Ti quần phía trước bên phải có in hoa văn màu đỏ vàng đen.

- 01 (một) đôi dép cao su màu đen, quai ngang, trên phần quai có in hoa văn màu trắng và có ghi chữ Gucci.

- 01 (một) cây kiếm có chiều dài 45cm, phần cán bằng nhựa chiều dài 15,5cm, bản dẹt kích thước (03x1,7) cm, xung quanh cán có quấn dây vải màu đen, phần lưỡi kiếm bằng kim loại có chiều dài 29,5cm, mũi nhọn, bản rộng 3cm; vỏ bao kiếm màu đen bằng nhựa có chiều dài 35,5cm, bản dẹt kích thước (4,2x2,5) cm.

- 01 (một) cây kiếm có chiều dài 72cm, phần cán bằng nhựa chiều dài 22cm, bản dẹt kích thước (3,5x1,7) cm, xung quanh cán có quấn dây vải màu xanh, phần lưỡi kiếm bằng kim loại có chiều dài 50cm, mũi nhọn, bản rộng 3cm; vỏ bao kiếm màu xanh bằng gỗ, chiều dài 55cm, bản dẹt kích thước (4,1x2,4) cm.

- 01 (một) cây kiếm có chiều dài 93cm, phần cán bằng nhựa chiều dài 24,5cm, bản dẹt kích thước (3,6x2,5) cm, xung quanh cán có quấn dây vải màu xanh, phần lưỡi kiếm bằng kim loại có chiều dài 68,5cm, mũi nhọn, bản rộng 3cm; vỏ bao kiếm màu xanh bằng gỗ có chiều dài 75,5cm, bản dẹt kích thước (4,2x2,4) cm;

- 01 (một) cây súng ngắn bằng nhựa màu đen, không cso hộp tiếp đạn, không có ốp tay cầm, thân súng có chữ “MADE IN CHINA NO:408” và “PENG SHENG”, chiều dài 21 cm, đường kính nòng súng rộng 01cm.

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) USB dữ liệu lưu trữ 01 (một) đoạn video clip của Camera an ninh tại khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ghi lại hiện trường nơi xảy ra vụ án được niêm phong trong một bì thư

có hình dấu tròn Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang có chữ ký của Lê Minh Thiện (Bìa thư ghi ngày 05/7/2021).

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 590, 288, 357 Bộ luật dân sự.

Các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Minh T6 số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Minh T6 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phan Văn A, Hồ Thanh T, Nguyễn Cao Thảo N, Đặng Tuấn A1, Trần Văn H, Ngô Minh N1, Trương Kim T2, Đinh Kim T5, Lê Minh T1, Phạm Tường C2, Nguyễn Linh C, Nguyễn Linh Cảnh E, Phạm Văn C1, Phạm Văn T3, Lê Ngọc Bảo L và Trần Văn T4 phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên án vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 5 năm 2022, có mặt tất cả bị cáo, bị hại, anh Huỳnh Nhật H1, anh Lê Minh T6, bà Đoàn Thị Đ, anh Trần Quốc Khanh, anh Nguyễn Huỳnh Thanh T11, bà Võ Thị H.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA.DS huyện Gò Công Đông;
- Cơ quan THA.HS huyện Gò Công Đông;
- Bị cáo; Bị hại; Người LQ
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng